

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai trong cơ sở giáo dục
Năm học 2024-2025

Căn cứ Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Thanh Đa xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong cơ sở giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn. Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

II. Nguyên tắc thực hiện công khai

Việc thực hiện công khai của đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế ban hành theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thông tin được công khai tại cơ sở giáo dục và đào tạo và trên trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế ban hành theo Thông tư 09/2024/TT- BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân giáo phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III. Nội dung thực hiện

1. Công khai thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục; địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

2. Loại hình của cơ sở giáo dục.

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục; Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục. Thông tin người đại diện pháp luật để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

4. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

5. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

2. Công khai thông tin đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

3. Công khai thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học

sinh.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật.

c) Số thiết bị dạy học hiện có.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Công khai thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

5. Công khai kết quả hoạt động giáo dục

Công khai kết quả học tập của học sinh; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được xét công nhận tốt nghiệp THPT.

6. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ- TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài (nếu có); mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có).

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học (nếu có).

7. Công khai kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác (nếu có)

IV. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

Niêm yết công khai tại nhà trường.

Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội nghị cán bộ công chức viên chức.

Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời điểm công khai

Công khai vào trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

V. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo:

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định; Theo dõi việc thực hiện công khai trong nhà trường; Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường khi được cấp trên kiểm tra.

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

2. Ban chỉ đạo thực hiện công khai:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Lê Thị Hồng Thủy	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Bà Đỗ Thị Thu Thảo	Chủ tịch công đoàn	Phó Trưởng ban
3	Bà Trần Thị Hoàng Yến	Kế toán	Thành viên
4	Bà Lâm Thị Tố Uyên	TB.TTND	Thành viên
5	Bà Phan Thị Bích Thủy	Thủ quỹ	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Kim Hương	Tổ trưởng Văn phòng	Thành viên
7	Ông Vũ Văn Quyết	TTCM Toán	Thành viên

3. Nhiệm vụ của các thành viên

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Phân công
1	Bà Lê Thị Hồng Thủy	Trưởng ban	Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập và Kế hoạch thực hiện công khai của trường đến tất cả toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường, CMHS và HS.
2	Bà Đỗ Thị Thu Thảo	Phó ban	Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật công khai theo Thông tư 11/2020. Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các phụ lục số: 01, 02, 03, 04,05 của Thông tư 09/2024 và điều hành kê khai báo cáo; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính
3	Bà Trần Thị Hoàng Yến	Thành viên	Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông qua trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội qui, Qui chế làm việc của nhà trường; Qui chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; Qui chế chi tiêu nội bộ; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường
	Bà Lâm Thị Tố Uyên	Thành viên	
	Bà Phan Thị Bích Thủy	Thành viên	
	Bà Nguyễn Thị Kim Hương	Thành viên	
	Ông Vũ Văn Quyết	Thành viên	
	Bà Nguyễn Thị Kim Hương	Thành viên	

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường THCS Thanh Đa năm học 2024 - 2025./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT quận Bình Thạnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 9 năm 2024

PHỤ LỤC 1

Công khai thông tin chung năm học 2024 – 2025

(Đính kèm kế hoạch số: 253/KH-TĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024 của trường THCS Thanh Đa)

Nội dung	Thông tin
1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).	Trường THCS Thanh Đa
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).	- 1/40 Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, TPHCM. - SĐT: 028 35565939 - Cổng thông tin điện tử: https://thcsthanhda.hcm.edu.vn/
3. Loại hình của cơ sở giáo dục	Công lập
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.	Xây dựng nhà trường có môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương uy tín về chất lượng giáo dục để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.
5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.	Trường Trung học cơ sở Thanh Đa được xây dựng từ trước 1975, tiền thân là Trường Phổ thông cơ sở cấp I, II Thanh Đa, sau khi tách các lớp tiểu học, trường chỉ còn các lớp cấp II công lập và được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Thanh Đa theo Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc sắp xếp mạng lưới giáo và đào tạo quận Bình Thạnh.
6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát - ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ.	Bà Lê Thị Hồng Thủy Chức vụ: Hiệu trưởng SĐT: 0934898286
7. Tổ chức bỏ mấu:	
a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);	Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc sắp xếp mạng lưới giáo và đào tạo quận Bình Thạnh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;	Chưa có do thay đổi CBQL từ 07/3/2023 và chưa có Phó HT từ 16/10/2023 đến nay.
c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;	+ Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về bổ nhiệm Hiệu trưởng trường THCS Thanh Đa. + Chưa có Phó HT.
d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;	Đính kèm
đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);	Không có
e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).	Bà Lê Thị Hồng Thủy Chức vụ: Hiệu trưởng SĐT: 0934898286 Thư điện tử: lethihongthuy413@gmail.com
8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).	Đính kèm

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Hồng Thủy

9	Nhân viên bảo vệ	2						2						
10	Nhân viên phục vụ	2						2						

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Hồng Thủy

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 9 năm 2024

PHỤ LỤC 3

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2024 – 2025

(Đính kèm kế hoạch số: 253/KH-TĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024 của trường THCS Thanh Đa)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	1,2 m ² /Hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	22	1,2 m ² /Hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	4	1,2 m ² /Hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	01/01	
8	Bình quân học sinh/lớp	40/lớp	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3757 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1803 m ²	0,8 m ² /Hs
VI	Tổng diện tích các phòng	1056m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	166	
3	Diện tích thư viện (m ²)	54	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6,7	33	6 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 8	58	5 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 9	60	6 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	48	1
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	1 hs/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	0,24	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	22
2	Cát xét	10	0
3	Đầu Video/dầu đĩa	1	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	0
5	Thiết bị khác...	0	0

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	0,24	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	22
2	Cát xét	10	10
3	Đầu Video/dầu đĩa	6	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	0
5	Thiết bị khác...	0	0

X	Nội dung	Số lượng (m ²)
1	Nhà bếp	0
2	Nhà ăn	0

XII	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
1	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	9 phòng (432 m ²)	400	1,08
2	Khu nội trú	0	0	0

XIII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	2/2	0	0,07/0,1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

XIV	Nội dung	Có	Không
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
2	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
3	Kết nối internet	x	
4	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Hồng Thủy

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 9 năm 2024

PHỤ LỤC 5

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2024 – 2025

(Đính kèm kế hoạch số:253/KH-TĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024 của trường THCS Thanh Đa)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	881	304	228	152	197
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	857 (97.28)	293 (96.38)	217 (95.18)	150 (98.68)	197 (100)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	23 (2.61)	11 (3.62)	10 (4.39)	2 (3.85)	0 (0)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.11)	0 (0)	1 (0.44)	0 (0,4)	0 (0)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	881	304	228	152	197
1	Xuất sắc/Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	410 (46.53)	142 (46,71)	90 (39.47)	75 (49.34)	103 (52.28)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	332 (37.70)	116 (38.16)	90 (39.47)	54 (35.53)	72 (36.55)
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	121 (13,73)	39 (12.83)	40 (17.54)	20 (13.16)	22 (11.17)
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	18 (2.04)	7 (2.30)	8 (3.51)	3 (1,97)	0 (0)
5	Kém/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0)	0 (0)	0 (0)	0 (0)	0 (0)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	684	304	228	152	197
1	Lên lớp 6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	666 (97,37)	297 (97.69)	220 (96.49)	149 (98.02)	0 (0)
	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	109 (12.37)	45 (14.80)	38 (16.67)	26 (17.11)	0 (0)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	301 (34.17)	97 (31.91)	52 (22.81)	49 (32.24)	103 (52.28)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	72 (36.55)	0 (0)	0 (0)	0 (0)	72 (36.55)
2	Thi lại 6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	18 (8,2)	7 (2,8)	8 (2,7)	3 (2,7)	0
3	Lưu ban 6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0,88)	1 (0.33)	3 (1,32)	2 (1.32)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	28 (3%)	4 (0,7)	8 (1,3)	11 (1,8)	5 (0,8)
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0

	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	13/894 (1,45)	6/310 (1,93)	5/233 (2,15)	1/153 (0,65)	1/198 (0,50)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	25	3	4	3	15
1	Cấp huyện	25	3	4	3	15
2	Cấp tỉnh/thành phố	1	0	0	0	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	203	0	0	0	203
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	203	0	0	0	203
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	103 (50,74%)	0	0	0	103 (50,74%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	72 (35,47%)	0	0	0	72 (35,47%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	28 (13,79%)	0	0	0	28 (13,79%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng, tuyển sinh 10 (tỷ lệ so với tổng số)	132/176 (75%)	0	0	0	132 (75%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	475/406	158/146	118/110	93/59	106/91
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	22	9	6	4	3

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Hồng Thủy